

**QUYẾT ĐỊNH
CÔNG NHẬN THUẬN TÌNH LY HÔN
VÀ SỰ THỎA THUẬN CỦA CÁC ĐƯƠNG SỰ**

Căn cứ hồ sơ vụ án dân sự thụ lý số 223/2017/TLST-HNGĐ ngày 01 tháng 6 năm 2017, giữa:

Nguyên đơn: Anh **Nguyễn Đình T**, sinh năm: 1983.

Địa chỉ: Xã P, huyện Đ, tỉnh Đồng Nai.

Bị đơn: Chị **Lê Thị Bé N**, sinh năm: 1988.

Địa chỉ: Xã P, huyện Đ, tỉnh Đồng Nai.

Địa chỉ liên hệ: Xã T, huyện H, tỉnh Kiên Giang.

Căn cứ vào Điều 212 và Điều 213 của Bộ luật Tố tụng dân sự;

Căn cứ vào Điều 55, 81, 82, 83, 84 Luật Hôn nhân và gia đình;

Căn cứ vào biên bản ghi nhận sự tự nguyện ly hôn và hòa giải thành ngày 30 tháng 6 năm 2017.

XÉT THẤY:

Việc thuận tình ly hôn và thỏa thuận của các đương sự được ghi trong biên bản ghi nhận sự tự nguyện ly hôn và hòa giải thành ngày 30 tháng 6 năm 2017 là hoàn toàn tự nguyện và không vi phạm điều cấm của luật, không trái đạo đức xã hội.

Đã hết thời hạn 07 ngày, kể từ ngày lập biên bản ghi nhận sự tự nguyện ly hôn và hòa giải thành, không có đương sự nào thay đổi ý kiến về sự thỏa thuận đó.

QUYẾT ĐỊNH:

1. Công nhận sự thuận tình ly hôn giữa: Anh Nguyễn Đình T và chị Lê Thị Bé N.

2. Công nhận sự thỏa thuận của các đương sự cụ thể như sau:

- Về quan hệ hôn nhân: Anh Nguyễn Đình T và chị Lê Thị Bé N đồng ý thuận tình ly hôn.

- Về con chung: Anh Nguyễn Đình T và chị Lê Thị Bé N có 01 con chung là Nguyễn Thiên P, sinh ngày 04/12/2013. Các bên thỏa thuận giao con chung là cháu P cho chị N trực tiếp trông nom, chăm sóc, nuôi dưỡng, giáo dục sau khi ly hôn. Anh T tự nguyện cấp dưỡng nuôi con chung hàng tháng mỗi tháng 1.000.000đ

(Một triệu đồng), thời điểm cấp dưỡng từ ngày 01/8/2017 cho đến khi cháu P đủ 18 tuổi và có khả năng lao động.

Anh T có quyền đi lại thăm nom con chung, không ai được quyền cản trở anh T thực hiện quyền này. Vì quyền lợi của con chung anh T và chị N có quyền yêu cầu thay đổi việc nuôi con và cấp dưỡng nuôi con theo quy định của pháp luật.

Trong trường hợp bên có nghĩa vụ chậm trả tiền thì bên đó phải trả lãi đối với số tiền chậm trả tương ứng với thời gian chậm trả. Lãi suất phát sinh do chậm trả tiền được xác định theo thỏa thuận của các bên nhưng không được vượt quá mức lãi suất được quy định tại khoản 1 Điều 468 của Bộ luật này; nếu không có thỏa thuận thì thực hiện theo quy định tại khoản 2 Điều 468 của Bộ luật này.

- Về tài sản chung: Tòa án không xem xét giải quyết.

- Về nợ chung: Tòa án không xem xét giải quyết.

- Về án phí: Anh Nguyễn Đình T và chị Lê Thị Bé N được miễn toàn bộ tiền án phí Hôn nhân gia đình sơ thẩm (anh T và chị N là người khuyết tật).

3. Quyết định này có hiệu lực pháp luật ngay sau khi được ban hành và không bị kháng cáo, kháng nghị theo thủ tục phúc thẩm.

Nơi nhận:

- Đương sự;
- VKSND huyện Đ;
- UBND xã P, huyện Đ;
- Lưu hồ sơ vụ án.

THẨM PHÁN

Phan Thanh Hà